

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ
(Kèm theo Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I | Tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số | | | | |
| 1. | Nghiên cứu, rà soát chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số và các pháp luật khác có liên quan. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tư pháp; Các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là: các bộ, ngành, địa phương) | 2026 - 2030 | - Tổ chức các hoạt động kiểm tra tình hình thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số. - Tháng 12/2028: Báo cáo rà soát chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số và các chính sách, pháp luật khác có liên quan. |
| 2. | Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành, địa phương | 2026 - 2030 | Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được tổ chức. |
| 3. | Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật về công nghiệp công nghệ số. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành, địa phương | 2026 - 2027 | Tháng 12/2027: Báo cáo đề xuất định hướng xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4. | Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số ra thị trường toàn cầu. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành, địa phương | 2026 - 2030 | Các hoạt động hỗ trợ được thực hiện. |
| II | Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số | | | | |
| 5. | Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thông qua thực hiện: nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt. | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính | 2026 - 2030 | Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được nghiệm thu. |
| 6. | Hỗ trợ triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số tạo môi trường pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp công nghệ số mạnh dạn đổi mới sáng tạo, đưa sản phẩm, dịch vụ ra thị trường. | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Khoa học và Công nghệ | 2026 - 2030 | <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2026: hỗ trợ ít nhất một địa phương thực hiện cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng công nghệ số. - Năm 2027 - 2030: hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương có năng lực và nhu cầu triển khai cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng công nghệ số. - Tháng 12/2030: Báo cáo đánh giá hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | | | ứng dụng công nghệ số và đề xuất kiến nghị. |
| 7. | Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất hoặc mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, tạo thị trường ban đầu cho doanh nghiệp công nghệ số sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, kinh phí từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương. | Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành, địa phương | Bộ Tài chính | 2026 - 2030 | Các bộ, ngành, địa phương thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất hoặc mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm. |
| III | Phát triển doanh nghiệp công nghệ số | | | | |
| 8. | Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực sản xuất, quản trị và chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số áp dụng các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến theo chuẩn quốc tế để nâng cao uy tín sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam". | Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương | Các cơ quan liên quan | 2026 - 2030 | Các hoạt động hỗ trợ được triển khai, các doanh nghiệp được áp dụng quy trình quản lý chất lượng thông qua chương trình, dự án, nhiệm vụ. |
| 9. | Hỗ trợ mua bán và sáp nhập (M&A): hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, đặc biệt | Cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh | Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương | 2026 - 2030 | Các hoạt động mua bán và sáp nhập được triển khai. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | là doanh nghiệp nhà nước, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện mua lại, sáp nhập doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật nhằm tiếp nhận, làm chủ, khai thác hiệu quả công nghệ số lõi, công nghệ chiến lược và mở rộng thị trường phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số. | doanh nghiệp nhà nước | | | |
| 10. | Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra thị trường quốc tế. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Công Thương; Bộ Ngoại giao; các địa phương | 2026 - 2030 | Các hoạt động hỗ trợ được triển khai hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra. |
| 11. | Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thông qua các hoạt động: đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số; nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm; tư vấn khởi nghiệp; mua công nghệ và đổi mới công nghệ. | Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương | Bộ Tài chính | 2026 - 2030 | Các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được các địa phương và Chương trình này hỗ trợ. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12. | Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số. | Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương | Các cơ quan liên quan | 2026 - 2030 | Các hoạt động hỗ trợ được triển khai. |
| 13. | Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa thực hiện: nhận chuyển giao công nghệ mới; thuê mua các giải pháp, phần mềm chuyển đổi số; thuê chuyên gia tư vấn kỹ thuật để cải tiến quy trình sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp lớn thông qua các hoạt động, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. | Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương | Các hiệp hội nghề nghiệp | 2026 - 2030 | Doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa được hỗ trợ kinh phí thông qua các hoạt động, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện nhận chuyển giao công nghệ mới; thuê mua các giải pháp, phần mềm chuyển đổi số; thuê chuyên gia tư vấn kỹ thuật. |
| 14. | Thúc đẩy việc hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính; các địa phương | 2026 - 2030 | Các hoạt động hỗ trợ được triển khai để hình thành một số doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước. |
| 15. | Triển khai cơ chế đặt hàng và giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam ngang tầm các nước tiên tiến tham gia giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn của quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng | Các bộ, ngành và địa phương | Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ | 2026 - 2030 | Các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết các bài toán lớn, bài toán trọng điểm của quốc gia, các bộ, ngành, địa phương. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | tạo, chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương. | | | | |
| IV | Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số | | | | |
| 16. | Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, công cụ, phần mềm dạy và học phục vụ đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương | 2026 - 2030 | Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, công cụ, phần mềm dạy và học được đầu tư để phục vụ đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số. |
| 17. | Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ số của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương | 2026 - 2030 | Các nhiệm vụ nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ số của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, học viên cao học, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng được hỗ trợ triển khai. |
| 18. | Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành và địa phương | 2026 - 2030 | Đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ. |
| 19. | Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập tăng thêm đối với người làm công tác chuyên trách về công nghiệp công nghệ số theo vị trí việc làm. | Bộ Nội vụ | Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành và địa phương | 2028 | Tháng 12/2028: có cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập tăng thêm đối với người làm công tác chuyên trách về công nghiệp công nghệ số theo vị trí việc làm. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20. | Tập trung nguồn lực triển khai hiệu quả Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”. | Bộ Tài chính | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; các trường đại học công nghệ | 2026 - 2030 | Các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình được triển khai hiệu quả, đạt các mục tiêu đề ra. |
| V | Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số hiện đại, đồng bộ | | | | |
| 21. | Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và hiện đại hóa các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung quốc gia về công nghệ số, các cơ sở đo kiểm, thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ số (đặc biệt là thiết bị 5G/6G, thiết bị IoT, chip bán dẫn) đạt chuẩn quốc tế. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương; các cơ sở giáo dục đại học; tổ chức khoa học và công nghệ; doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2029 | Các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung quốc gia về công nghệ số, các cơ sở đo kiểm, thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ số được đầu tư để đạt chuẩn quốc tế. |
| 22. | Hỗ trợ xây dựng và vận hành Trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung để giải quyết nhiệm vụ, bài toán lớn, hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm. | Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; Thành phố Hồ Chí Minh; Thành phố Đà Nẵng; một số địa phương khác có nhu | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an; các bộ, ngành; các doanh nghiệp công nghệ số | 2029 | Trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung được hình thành và đưa vào vận hành tại một số địa phương. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | cầu và năng lực | | | |
| 23. | Tập trung nguồn lực hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung; ưu tiên xây dựng tối thiểu 01 khu công nghệ số tập trung quy mô lớn, hiện đại, đóng vai trò dẫn dắt và phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển từng vùng kinh tế trọng điểm; hỗ trợ kinh phí duy trì, vận hành các không gian làm việc chung, trung tâm ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo nằm trong khu công nghệ số tập trung để phục vụ doanh nghiệp khởi nghiệp. | Các địa phương | Bộ Khoa học và Công nghệ | 2026 - 2030 | Hình thành tối thiểu 01 khu công nghệ số tập trung quy mô lớn có vai trò dẫn dắt tại vùng kinh tế trọng điểm; các không gian làm việc chung, trung tâm ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo được duy trì, vận hành hiệu quả, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và phát triển hệ sinh thái công nghệ số. |
| VI | Thúc đẩy, xúc tiến đầu tư cho hoạt động công nghiệp công nghệ số | | | | |
| 24. | Triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư quốc gia, hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ, cơ quan ở trung ương, hoạt động xúc tiến đầu tư của địa phương về lĩnh vực công nghiệp công nghệ số. | Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành và địa phương | Các hội, hiệp hội; các doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2030 | Hoạt động xúc tiến đầu tư được triển khai. |
| 25. | Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài: tổ chức các đoàn công tác cấp cao tại các địa bàn trọng điểm để tiếp cận, vận động các tập đoàn công nghệ đa quốc gia đầu tư các dự án sản | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Ngoại giao; Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương; các hội, hiệp | 2026 - 2030 | Hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được đẩy mạnh; hằng năm tổ chức tối |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo có quy mô đầu tư lớn. | | hội; các doanh nghiệp công nghệ số | | thiếu 01 đoàn công tác cấp cao tại thị trường trọng điểm. |
| VII | Phát triển thị trường và chuỗi cung ứng công nghiệp công nghệ số | | | | |
| 26. | Thúc đẩy sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số “Make in Viet Nam”: hỗ trợ kinh phí thông qua phiếu hỗ trợ tài chính hoặc hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã tư vấn, đánh giá và thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số, tạo thị trường đầu ra cho doanh nghiệp công nghệ số. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành và địa phương | 2026 - 2030 | Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số “Make in Viet Nam” triển khai rộng rãi phục vụ chuyển đổi số quốc gia. |
| 27. | Kết nối cung cầu và kích cầu tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. | Các bộ, ngành và địa phương | Bộ Khoa học và Công nghệ; các hội, hiệp hội; các doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2030 | Các hội chợ, triển lãm công nghệ số vùng, miền; các phiên chợ công nghệ, tuần lễ chuyển đổi số tại các địa phương được tổ chức để kết nối trực tiếp cung - cầu giữa doanh nghiệp công nghệ số với chính quyền, doanh nghiệp và người sử dụng. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 28. | Nghiên cứu xây dựng nền tảng số kết nối cung cầu phục vụ thuê, mua sắm, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số “Make in Viet Nam”. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành và địa phương; các doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2027 | Tháng 12/2027: Báo cáo đề xuất nền tảng số kết nối cung cầu phục vụ thuê, mua sắm, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số “Make in Viet Nam”. |
| 29. | Tổ chức thường niên Diễn đàn quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và Giải thưởng “Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam” để tôn vinh, quảng bá các sản phẩm xuất sắc, thương hiệu quốc gia, tạo uy tín và niềm tin cho người tiêu dùng trong nước. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan thông tấn, báo chí; hội, hiệp hội ngành nghề | Thường niên | Diễn đàn Make in Viet Nam và Giải thưởng “Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam” được tổ chức thường niên. |
| 30. | Tổ chức các đoàn doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số tham gia các triển lãm công nghệ uy tín thế giới; tổ chức các chương trình giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số “Make in Viet Nam” tại các thị trường trọng điểm nhằm tìm kiếm đối tác, đơn hàng xuất khẩu. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Ngoại giao; các bộ, ngành và địa phương; hội, hiệp hội ngành nghề; doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2030 | Các đoàn, chương trình, hoạt động hỗ trợ được triển khai; hằng năm tổ chức tối thiểu 01 đoàn doanh nghiệp tham gia triển lãm công nghệ lớn (CES, MWC ...). |
| 31. | Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực quản trị sản xuất để | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành và địa phương; doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2030 | Các chương trình đánh giá, tư vấn cải tiến quy trình và kết nối cung cầu phối hợp với các tập đoàn đa quốc gia được tổ chức. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với vai trò là nhà cung ứng trực tiếp (cấp 1), gián tiếp (cấp 2) cho các hãng công nghệ lớn. | | | | |
| 32. | Xây dựng, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu, kênh thông tin kết nối và tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành và địa phương; doanh nghiệp công nghệ số | 2026-2030 | Cơ sở dữ liệu, kênh thông tin kết nối được xây dựng; tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng. |
| 33. | Thu hút đầu tư phát triển các trung tâm logistics chuyên dụng, kho ngoại quan hiện đại tại các khu công nghệ số tập trung. | Các địa phương | Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành và địa phương | 2026 - 2030 | Các trung tâm logistics chuyên dụng, kho ngoại quan hiện đại tại các khu công nghệ số tập trung được đầu tư. |
| 34. | Hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện việc chuyển giao công nghệ, mua quyền sử dụng sáng chế, thiết kế kỹ thuật và sản xuất thử nghiệm cho các nhiệm vụ phát triển, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp công nghệ số, trong đó chú trọng vật liệu bán dẫn, linh kiện điện tử, khuôn mẫu kỹ thuật chính xác. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương; doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2030 | Các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát triển, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp công nghệ số được hỗ trợ triển khai. |
| VIII | Phát triển bền vững công nghiệp công nghệ số | | | | |
| 35. | Triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số xây dựng và | Các bộ, ngành và địa phương | Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Doanh | 2026 - 2030 | Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn: tái sử dụng, tái sản xuất, tân trang, sửa chữa thiết bị và chia sẻ hạ tầng, nguồn lực dùng chung nhằm hình thành chu trình khép kín trong công nghiệp công nghệ số, giúp tiết kiệm tài nguyên và giảm ô nhiễm. | | ng nghiệp công nghệ số | | xây dựng và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn được triển khai. |
| 36. | Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu quy trình, công nghệ thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trong công nghiệp công nghệ số. | Các bộ, ngành và địa phương | Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các cơ sở nghiên cứu; tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2030 | Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng để triển khai. |
| 37. | Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, cải tiến, chuyển đổi hoạt động công nghiệp công nghệ số để tạo ra sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường thông qua nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. | Các bộ, ngành và địa phương | Bộ Khoa học và Công nghệ; các cơ sở nghiên cứu; tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2030 | Hỗ trợ kinh phí cho một số doanh nghiệp công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo về chuyển đổi xanh. |
| IX | Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số | | | | |
| 38. | Hình thành, duy trì, vận hành và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số; dịch vụ hạ tầng kỹ thuật để lưu trữ, xử lý dữ liệu tập trung và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Công an; các bộ, ngành liên quan | 2026 - 2030 | - Năm 2026: Hệ thống thông tin được đưa vào hoạt động. - Năm 2027 - 2030: Hệ thống được vận hành, hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt để |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | ngành, địa phương phục vụ công tác quản lý nhà nước. | | | | đảm bảo phục vụ công tác quản lý nhà nước. |
| 39. | Hình thành, duy trì, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số: chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu chuyên ngành bảo đảm có các trường thông tin theo quy định pháp luật về công nghiệp công nghệ số; thu thập, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và từ các cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân các tỉnh | 2026 - 2030 | - Năm 2027: chuẩn hóa được cấu trúc dữ liệu chuyên ngành, thu thập thông tin từ nhiều nguồn và hình thành được cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số. - Năm 2027 - 2030: duy trì, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số. |
| 40. | Triển khai kết nối, chia sẻ và liên thông cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số với các cơ sở dữ liệu quốc gia (về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, thuế, tài chính, hải quan...) và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và quản lý nhà nước; tổ chức khai thác, cung cấp thông tin, sản phẩm, dịch vụ gia tăng từ dữ liệu công nghiệp công nghệ số cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu khai thác theo quy định. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân các tỉnh | 2026 - 2030 | Cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số được kết nối liên thông, chia sẻ và tổ chức khai thác. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| X | Hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn | | | | |
| 41. | Triển khai hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp thiết kế chip thực hiện: nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về lĩnh vực công nghiệp bán dẫn; mua sắm máy móc, thiết bị, phần mềm thiết kế EDA, chia sẻ thư viện phần mềm thiết kế chip IP; đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm (Tape-out) theo quy định của pháp luật. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương | 2026 - 2030 | Các tổ chức, doanh nghiệp thiết kế chip được hỗ trợ kinh phí. |
| 42. | Phát triển chuỗi cung ứng và sản xuất thiết bị điện tử nhằm tạo thị trường cho công nghiệp bán dẫn: hỗ trợ sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ đối với các nhiệm vụ, hoạt động sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và nhiệm vụ, hoạt động sản xuất thiết bị điện tử thông qua các nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính; Bộ Công thương; các bộ, ngành và địa phương; các doanh nghiệp công nghệ số | 2026 - 2030 | Các hoạt động hỗ trợ sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ đối với các nhiệm vụ, hoạt động sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và nhiệm vụ, hoạt động sản xuất thiết bị điện tử thông qua các nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai. |
| 43. | Phát triển và vận hành Trung tâm quốc gia hỗ trợ sản xuất thử chip bán dẫn để hỗ trợ sản xuất thử nghiệm và đo kiểm chip bán dẫn thông qua các hoạt động: hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thiết kế chip bán dẫn thông qua việc cung cấp | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính; các bộ, ngành có liên quan | 2026 - 2030 | - Năm 2026: hình thành Trung tâm quốc gia hỗ trợ sản xuất thử chip bán dẫn; sản xuất thử tối thiểu 5.000 chip. |

| STT | Nhiệm vụ, giải pháp | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------|
| | các phần mềm công cụ thiết kế EDA, thư viện phần mềm thiết kế chip IP theo phương thức dùng chung; hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm (Tape-out) tại các nhà máy cho các thiết kế chip bán dẫn của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước; và thực hiện đo kiểm, đánh giá chất lượng, độ tin cậy của chip (Post-silicon validation) tại Trung tâm hoặc các phòng thí nghiệm đạt chuẩn. | | | | - Năm 2027 - 2030: hỗ trợ sản xuất thử ít nhất 8.000 chip mỗi năm. |